TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/**2024/HS-ST
Ngày: **23-8-2024**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2024/ HSST-QĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 08/10/2004. Giới tính: Nam

Nơi cư trú: ấp C , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: 173/10 Lê Đình C, khu phố 6, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 01/12. Con ông Nguyễn Văn N, năm sinh không rõ và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1969. Vợ: Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 2003 (sống chung như vợ chồng)

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 23/01/2024 chuyển tạm giam đến nay.

2. Nguyễn Hữu N - sinh ngày 02/3/2000. Giới tính: Nam

Nơi cư trú: ấp C , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 01/12. Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 và bà Biện Thị H, sinh năm 1978. Vợ: Nguyễn Thị Thuý D, sinh năm 1999 (sống chung như vợ chồng)

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2024, đến ngày 16/02/2024 chuyển tạm giam đến nay. (Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:*

Lê Thị Thu X - sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Trần Quang Ơ - sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V , xã V , huyện V , thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 15/01/2024, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter 135, màu xanh trắng, gắn biển số 59H1-374.69 chở Nguyễn Hữu N đi từ nhà của N ở ấp C , xã T đi Ủy ban nhân dân xã T , huyện T để lấy hồ sơ xin việc làm. Trên đường đi, T1 rủ N tìm người có tài sản giật bán lấy tiền tiêu xài thì được N đồng ý. Khi điều khiển xe tới Cầu Hữu An thuộc ấp T, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, cả hai nhìn thấy bà Lê Thị Thu X điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu Xanh-Nâu-Đen, biển kiểm soát 68T1-621.69 chạy theo chiều ngược lại, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng. Khi xe vừa qua mặt nhau thì N kêu T quay đầu xe lại để tiếp cận nhằm giật sợi dây chuyền của bà X. T1 quay đầu xe lại chạy theo bà X một đoạn thì vượt lên phía bên trái của xe bà X để N ngồi phía sau xe dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng, loại tuổi vàng 610, trọng lượng 4,6 chỉ mà bà X đang đeo trên cổ. Sau khi giật được sợi dây chuyền của bà X, T điều khiển xe chạy theo đường Kênh 3 đến bờ sông Cái Sắn thì rẽ về hướng bến phà Kênh 2. Cả hai đi qua phà sang Quốc lộ 80, T điều khiển xe chạy theo Quốc Lộ 80 đến tiệm vàng Kim Xinh Xoàn thuộc ấp V , xã V , huyện V , thành phố Cần Thơ do ông Trần Quang Ơ, sinh năm 1965 làm chủ. N trực tiếp vào bán sợi dây chuyền cho ông Ơ được 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*. T1 và N vào quán cà phê gần đó uống nước và N chia cho T 6.000.000 đồng, N lấy 9.000.000 đồng, có được tiền N chi xài cá nhân hết. T tiêu xài cá nhân hết 3.421.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng)*, về đưa cho Lê Thị Huỳnh T (sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn) 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* và nói tiền có được là đi sửa xe và làm công ty. Sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà X, đến ngày 17/01/2024, Nguyễn Văn T1 đến Công an xã T xin đầu thú giao nộp số tiền 579.000 đồng *(Năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng)*. Khi biết được tin T bị tạm giữ, Nguyễn Hữu N bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 13/02/2024, N về nhà ở xã T , huyện T thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ, tạm giữ:

- 01 chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh – Trắng, số khung, số máy bị thay đổi, gắn biển kiểm soát 66V1-404.50; 01 biển kiểm soát 59H1-374.69; 01 (một) cái điện thoại đi động hiệu Samsung A12 màu trắng, số máy

SM-A125F/DS, số sê ri R58NC1C52WD; 01 (một) cái nón bảo hiểm màu đỏ có lưỡi trai màu đen, bên trên nón có dòng chữ Nón Sơn, kích thước 13 x 03cm; 01 (một) đôi dép nhựa quai ngang màu đen, trên quai dép có may đoạn vải màu xanh sọc đỏ; 01 cái áo sơ mi dài tay màu đen, trên vai tại vị trí gần cổ áo có dòng chữ QP; 01 (một) cái quần Short Jean màu xám, trên quần có may Logo Manchester United; 01 (một) cái cờ lê màu trắng dạng ống điếu bằng kim loại dài 10cm; tiền Việt Nam 579.000 đồng, đồ vật, tiền của Nguyễn Văn T giao nộp.

- Lê Thị Huỳnh T, ngày 17/01/2024, giao nộp số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, là tiền Nguyễn Văn T được chia từ việc bán sợi dây chuyền cướp giật dây chuyền của bà X về đưa cho T.

- Ông Nguyễn Văn D là cha của Nguyễn Hữu N, giao nộp số tiền 10.020.000 đồng *(Mười triệu không trăm hai mươi ngàn đồng)* để bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Thu X.

- Nguyễn Văn T2, anh ruột của Nguyễn Văn T, giao nộp số tiền 3.421.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng)* bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Thu X.

Đối với sợi dây chuyền mà ông Trần Văn Ơ mua của Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu N bán, sau khi mua ông Ơ đã nung chảy và bán lại cho cơ sở chế tác vàng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ông Ơ không biết sợi dây chuyền do Nguyễn Hữu N bán là do N và T1 cướp giật mà có.

- Lê Thị Huỳnh T, sống chung với Nguyễn Văn T1 không có đăng ký kết hôn có nhận số tiền 2.000.000 đồng của T đưa, không biết là tiền mà T thực hiện hành vi Cướp giật tài sản mà có.

* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T , tỉnh Kiên Giang tiến hành thu thập tài liệu có liên quan của tài sản mà Nguyễn Văn T2, Nguyễn Hữu N thực hiện hành vi Cướp giật tài sản để trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá theo quy định của pháp luật và trưng cầu giám định số khung, số máy phương tiện là chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh – Trắng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 02/2024/KL-HĐĐG ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện T , kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng dạng hình xoắn cong, loại tuổi vàng 610, trọng lượng 4,6 chỉ *(Bốn chỉ sáu phân)* có giá trị **17.020.000 đồng** *(Mười bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).*

- Tại Kết luận giám định số 226/KL-KTHS ngày 11/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận: *"Xe mô tô yêu cầu giám định mang biển số 66V1-404.50*

- Trước giám định:

+ Số khung: ***Bị tẩy xóa mất;***

+ Số máy: ***Bị tẩy xóa mất;***

- Sau giám định

+ Số khung: Bị tẩy xóa mất, số khung nguyên thủy của xe mô tô trên là: ***"RLCE5510CY101721"***

*+ Số máy: Bị tẩy xóa mất, số máy nguyên thủy của xe mô tô trên là: **"55P1-101725"."***

- Chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh – Trắng, gắn biển kiểm soát 59H1-374.69 khi Nguyễn Văn T1 chở Nguyễn Hữu N đi thực hiện hành vi Cướp giật tài sản, T1 mua của một người ở thành Phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ, họ tên, không có giấy tờ và không làm giấy mua bán với số tiền 3.500.000 đồng, khi mua có gắn biển kiểm soát 66V1-404.50, trên đường chạy về Tân Hiệp, T nhặt trên đường biển kiểm soát 59H1-374.69 (Cơ quan điều tra xác định biển kiểm soát không thuộc hệ thống cung cấp của Cục cảnh sát giao thông đường bộ Bộ Công an) nên về nhà tháo biển kiểm soát 66V1-404.50 ra và gắn biển kiểm soát 59H1-374.69 vào để thực hiện hành vi Cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra tiến hành thẩm tra, xác minh xác định: Chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh – Trắng do anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1983, có địa chỉ ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An đứng tên; đối với biển kiểm soát 66V1-404.50 do anh Trương Văn Hoài H, sinh năm 1991, có địa chỉ ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đứng tên, hiện Cơ quan điều tra đã phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Long An và tỉnh Đồng Tháp để xác minh, làm rõ chủ sở hữu liên quan của chiếc xe và biển kiểm soát xe nêu trên nhưng chưa xác định được nơi ở hiện tại của anh Nguyễn Quốc B và Trương Văn Hoài H.

Cáo trạng số 24/CT-VKSTH ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Nguyễn Hữu N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử các bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

*** Vật chứng, đồ vật thu giữ, tạm giữ trong vụ án được xử lý như sau:**

- 01 chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh-Trắng, số khung, số máy bị thay đổi, có số khung nguyên thủy là RLCE5510CY101721, số máy nguyên thủy là 55P1-101725 và biển kiểm soát 66V1-404.50. Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện T xác minh, làm rõ việc có liên quan, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số 59H1-374.69; 01 (một) cái nón bảo hiểm màu đỏ có lưỡi trai màu đen, bên trên nón có dòng chữ Nón Sơn, kích thước 13 x 03cm; 01 (một) đôi dép nhựa quai ngang màu đen, trên quai dép có may đoạn vải màu xanh sọc đỏ; 01 cái áo sơ mi dài tay màu đen, trên vai tại vị trí gần cổ áo có dòng chữ QP; 01 (một) cái quần Short Jean màu xám, trên quần có may Logo Manchester United; 01 (một) cái cờ lê màu trắng dạng ống điếu bằng kim loại dài 10cm; đồ vật của bị cáo Nguyễn Văn T1 giao nộp liên quan đến việc phạm tội, do không còn giá trị sử dụng.

- Giao cho bà Lê Thị Thu X 01 (một) cái điện thoại đi động hiệu Samsung A12 màu trắng, số máy SM-A125F/DS, số sê ri R58NC1C52WD của Nguyễn Văn T1. Bị cáo và bà X thỏa thuận dùng điện thoại này bồi thường với giá trị tương đương 1.000.000 đồng, bà X đã nhận vào ngày 13/5/2024.

- Số tiền: 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* do Lê Thị Huỳnh T giao nộp; ông Nguyễn Văn D là cha của Nguyễn Hữu N, giao nộp 10.020.000 đồng *(Mười triệu không trăm hai mươi ngàn đồng);* Nguyễn Văn T2, anh ruột của Nguyễn Văn T1 giao nộp số tiền 3.421.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng);* thu giữ của Nguyễn Văn T1 579.000 đồng. Tổng cộng 16.020.000 đồng, đã trao trả cho bị hại Lê Thị Thu X vào ngày 13/5/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Thu X yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu N bồi thường trị giá sợi dây chuyền theo kết quả định giá là 17.020.000 đồng, hai bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên. Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền còn lại khi bán sợi dây chuyền sau khi đã tiêu xài cá nhân và đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền trên cho bà X. Trong đó: Nguyễn Hữu N đã bồi thường số tiền 10.020.000đồng *(Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*. Nguyễn Văn T1 bồi thường số tiền 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)* (bao gồm 2.000.000 đồng do Lê Thị Huỳnh T giao nộp, 579.000 đồng do bị cáo giao nộp và 3.421.000 đồng do anh ruột là Nguyễn Văn T2 bồi thường thay và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu trắng, số máy SM-A125F/DS, số seri R58NC1C52WD, T và bà X thỏa thuận trị giá 1.000.000 đồng. Bà Lê Thị Thu X đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm.

Tại phần nói lời sau cùng, hai bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của hai bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh - Trắng, gắn biển kiểm soát 59H1-374.69 chở bị cáo Nguyễn Hữu N đi tìm việc làm, trên đường đi bị cáo T1 rủ N tìm người đi đường có tài sản để giật lấy thì được bị cáo N đồng ý. Khi bị cáo T1 điều khiển xe chạy tới Cầu Hữu An thuộc ấp T, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang thì cả hai nhìn thấy bà Lê Thị Thu X điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu Xanh-Nâu-Đen, biển kiểm soát 68T1-621.69 chạy theo chiều ngược lại, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng. Khi xe vừa qua mặt nhau thì bị cáo N kêu bị cáo T1 quay đầu xe lại chạy theo bà X rồi vượt lên áp sát phía bên trái để bị cáo N ngồi phía sau dùng tay giật sợi dây chuyền vàng, loại tuổi vàng 610, trọng lượng 4,6 chỉ *(Bốn chỉ sáu phân)* trị giá **17.020.000 đồng** *(Mười bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng)*. Sau khi cướp giật được sợi dây chuyền của bà X, bị cáo T điều khiển xe chạy đến tiệm vàng Kim Xinh Xoàn, thuộc ấp V , xã V , huyện V , thành phố Cần Thơ, N trực tiếp vào bán sợi dây chuyền cho ông Trần Quang Ơ được 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*, N chia cho T1 6.000.000 đồng, N lấy 9.000.000 đồng, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Từ những phân tích, đánh giá trên đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu N đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của hai bị cáo là táo bạo, liều lĩnh và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của người bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hai bị cáo có đủ sức khỏe và năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, hai bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố hai bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy vụ án có tính chất giản đơn, không phân công tổ chức, hai bị cáo có vai trò ngang nhau, bị cáo T1 là người rủ rê, bị cáo N là người trực tiếp thực hiện

hành vi phạm tội nên hai bị cáo phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: Hai bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản là tình tiết định khung hình phạt, hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án tiền sự; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo Nguyễn Văn T1 đầu thú về hành vi phạm tội, nên hai bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Thu X yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu N bồi thường trị giá sợi dây chuyền theo kết quả định giá là 17.020.000 đồng, hai bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên.

Hai bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền còn lại khi bán sợi dây chuyền sau khi đã tiêu xài cá nhân và đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền trên cho bà X. Trong đó: bị cáo Nguyễn Hữu N đã bồi thường 10.020.000đồng *(Mười triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*, bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường số tiền 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)* (bao gồm 2.000.000 đồng do Lê Thị Huỳnh T giao nộp, 579.000 đồng do bị cáo giao nộp và 3.421.000 đồng do anh ruột là Nguyễn Văn T2 bồi thường thay và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu trắng, số máy SM-A125F/DS, số seri R58NC1C52WD, bị cáo T1 và bà X thỏa thuận trị giá 1.000.000 đồng. Bà Lê Thị Thu X đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số 59H1-374.69; 01 (một) cái nón bảo hiểm màu đỏ có lưỡi trai màu đen, bên trên nón có dòng chữ Nón Sơn, kích thước 13 x 03cm; 01 (một) đôi dép nhựa quai ngang màu đen, trên quai dép có may đoạn vải màu xanh sọc đỏ; 01 cái áo sơ mi dài tay màu đen, trên vai tại vị trí gần cổ áo có dòng chữ QP; 01 (một) cái quần Short Jean màu xám, trên quần có may Logo Manchester United; 01 (một) cái cờ lê màu trắng dạng ống điếu bằng kim loại dài 10cm; đồ vật của bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp liên quan đến việc phạm tội, do không còn giá trị sử dụng.

[7] Đối với 01 chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 135, màu Xanh-Trắng, số khung, số máy bị thay đổi, có số khung nguyên thủy là RLCE5510CY101721, số máy nguyên thủy là 55P1-101725 và biển kiểm soát 66V1-404.50. Giao lại cho Cơ

quan điều tra Công an huyện T xác minh, làm rõ sự việc có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận việc giữa bị cáo T1 và bị hại Thu X đã thỏa thuận dùng chiếc điện thoại đi động hiệu Samsung A12 màu trắng, số máy SM-A125F/DS, số sê ri R58NC1C52WD của bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường cho bị hại Thu X với giá trị tương đương 1.000.000 đồng, bà X đã nhận vào ngày 13/5/2024.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* do Lê Thị Huỳnh T giao nộp; ông Nguyễn Văn D là cha của bị cáo Nguyễn Hữu N giao nộp 10.020.000 đồng *(Mười triệu không trăm hai mươi ngàn đồng);* Nguyễn Văn T2 là anh ruột của Nguyễn Văn T1 giao nộp 3.421.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng);* thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1 579.000 đồng. Tổng cộng là 16.020.000 đồng, đã trả cho bị hại Lê Thị Thu X vào ngày 13/5/2024; là phù hợp.

Đối với ông Trần Quang Ơ, chủ tiệm vàng Kim Xinh Xoàn, không biết dây chuyền vàng bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu N bán do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Lê Thị Huỳnh T, sống chung với bị cáo Nguyễn Văn T1, không có đăng ký kết hôn có nhận số tiền 2.000.000 đồng của T1 đưa, không biết là tiền mà T1 thực hiện hành vi Cướp giật tài sản mà có nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý, là phù hợp.

[**7**] Về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.1 Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù,** thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2024.

1.2 Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù,** thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số 59H1-374.69; 01 (một) cái nón bảo hiểm màu đỏ có lưỡi trai màu đen, bên trên nón có dòng chữ Nón Sơn, kích thước 13 x 03cm; 01 (một) đôi dép nhựa quai ngang màu đen, trên quai dép có may đoạn vải màu xanh sọc đỏ; 01 cái áo sơ mi dài tay màu đen, trên vai tại vị trí gần cổ áo có

dòng chữ QP; 01 (một) cái quần Short Jean màu xám, trên quần có may Logo Manchester United; 01 (một) cái cờ lê màu trắng dạng ống điếu bằng kim loại dài 10cm.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 20/QĐ-VKS-TH ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc hai bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện T ;*
- *Chi cục THADS huyện T ;*
- *Công an huyện T ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến